# **Mối quan hệ trong Use Case Diagram**

Các mối quan hệ giúp chúng ta hiểu cách các Use Case kết nối với nhau và với tác nhân. Dưới đây là các loại quan hệ phổ biến:

### **2.1 Association Relationship (Quan hệ kết nối)**

Đây là mối quan hệ cơ bản giữa ****Actor**** và ****Use Case****. Nó chỉ ra rằng một tác nhân tham gia vào một hoặc nhiều use cases.

#### **Ký hiệu:**

Dòng kẻ thẳng nối giữa Actor và Use Case.

### **2.2 Include Relationship (Mối quan hệ bao gồm)**

Mối quan hệ này thể hiện rằng một Use Case ****phụ thuộc**** vào Use Case khác để hoàn thành công việc của nó.

#### ****Mục đích:****

* Tái sử dụng các chức năng chung.
* Làm giảm sự trùng lặp trong mô hình.

#### ****Ký hiệu:****

Mũi tên đứt nét với nhãn **<<include>>**,**** trỏ từ Use Case chính đến Use Case được bao gồm.

### **2.3 Extend Relationship (Mối quan hệ mở rộng)**

****Dùng khi một Use Case mở rộng hành vi của Use Case khác trong một số điều kiện nhất định.****

#### **Mục đích:**

* Bổ sung các hành vi đặc biệt mà không làm thay đổi Use Case gốc.

#### **Ký hiệu:**

Mũi tên đứt nét với nhãn **<<extend>>**, trỏ từ Use Case mở rộng đến Use Case chính.